TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2586/2017/DS-ST.

Ngày: 29-11-2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Liêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1279/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 06 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2017/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng V.**
Trụ sở: LH, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà T.T.N, địa chỉ DBP, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 106/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 24/02/2017).

2. Bị đơn: Bà **B.T**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: VT, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng V* có *bà TTN làm đại diện trình bày*:

Ngân hàng V có phê duyệt cho bà B.T vay tiêu dùng số tiền là 42.000.000 đồng, đã bao gồm tiền phí bảo hiểm là 2.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013. Theo đó, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay hàng tháng là 3,75%/tháng, khoản trả hàng tháng là 2.356.000 đồng theo phương thức trả góp, thời hạn cho vay 30 tháng.

Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân số tiền vay 40.000.000 đồng vào tài khoản của bà B.T ngày 05/9/2013 và tiền phí bảo hiểm 2.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA theo đúng thỏa thuận hợp đồng. Tuy nhiên, bà B.T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận. Đến ngày 01/4/2017, bà B.T đã thanh toán tổng cộng 17 lần là 26.136.000 đồng và không tiếp tục thanh toán các kỳ còn lại.

Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện bà B.T yêu cầu thanh toán số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013 tổng cộng là 39.596.418 đồng (Trong đó, tiền gốc là 24.852.098 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong nợ, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà B.T trình bày*: Bà có vay tiền của Ngân hàng V số tiền là 42.000.000 đồng, trong đó tiền vay là 40.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 2.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, bà đã thanh toán cho Ngân hàng V được 17 lần với số tiền là 26.136.000 đồng. Về sau, do hoàn cảnh khó khăn, bà không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng và tính tới thời điểm hiện nay, bà còn nợ của ngân hàng số tiền gốc là 24.852.098 đồng, tiền lãi là 14.744.320 đồng, tổng cộng 39.596.418 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xin trả góp hàng tháng số tiền còn thiếu Ngân hàng V nêu trên là 1.000.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và xin ngân hàng bỏ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà B.T, địa chỉ 146/22 Vũ Tùng, Phường 2, quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, Ngân hàng V khởi kiện bà B.T yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013 tổng cộng là 39.596.418 đồng, trong đó tiền gốc là 24.852.098 đồng và tiền lãi là 14.744.320 đồng (được tính đến ngày 17/10/2017), và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong nợ, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng V hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0100233583) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; đồng thời, Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo uỷ quyền của Ngân hàng V theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013, Ngân hàng V và bà B.T thỏa thuận: Ngân hàng V cho bà B.T vay tiêu dùng là 42.000.000 đồng, đã bao gồm tiền phí bảo hiểm tiền vay là 2.000.000 đồng; bà B.T có nghĩa vụ trả tiền vay hàng tháng là 2.356.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 05/10/2013, lãi suất 3,75%/tháng với thời hạn 30 tháng; hai bên có thỏa thuận về phạt chậm trả, và không thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất hàng tháng theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, ngày 05/09/2013, Ngân hàng V đã chuyển số tiền vay theo thoả thuận là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) vào tài khoản của bà B.T số 54223544 mở tại Ngân hàng V và đã chuyển tiền phí bảo hiểm tiền vay là 2.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA theo yêu cầu của bà B.T theo Văn bản xác nhận số 1754/CV-AAA/BHCN ngày 30/10/2017 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA. Tại phiên tòa, bà B.T thừa nhận có nhận được tiền vay là 40.000.000 đồng. Vì vậy, tổng số tiền 42.000.000 đồng mà Ngân hàng V đã chuyển là phù hợp với Điều 2, Điều 3 và Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013.

Căn cứ Bảng tính lãi, tiền lãi phải trả của kỳ đầu tiên từ ngày giải ngân 05/09/2013 cho đến ngày phải trả 05/10/2013 (01 tháng) là 42.000.000 đồng x 3,75%/tháng = 1.575.000 đồng, tiền gốc phải trả kỳ đầu tiên 2.356.000 đồng - 1.575.000 đồng = 781.000 đồng, dư nợ gốc mới 42.000.000 đồng - 781.000 đồng = 41.219.000 đồng. Tương tự tính cho các kỳ tiếp theo, tiền lãi và tiền gốc phải trả các kỳ tiếp của bảng tính lãi phù hợp với phương pháp tính này nên ngoài số tiền gốc phải trả là 42.000.000 đồng, bên vay bà B.T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho 30 tháng vay là 28.663.000 đồng, với các kỳ trả góp hàng tháng theo đúng thỏa thuận của lịch trả nợ và hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088.

Theo sự thừa nhận của bị đơn bà B.T tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà B.T đã thực hiện việc trả nợ vay đến thời điểm xét xử tổng cộng là 26.136.000 đồng, bà có vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng trong quá trình thực hiện hợp đồng, và thời hạn trả nợ kết thúc ngày 05/3/2016 nhưng bà B.T vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Điều này cho thấy bà B.T đã vi phạm khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng nên căn cứ Điều 2, Điều 9 của hợp đồng và lịch trả nợ, có đủ cơ sở buộc bà B.T phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị của bị đơn bà B.T tại phiên tòa liên quan đến việc trả dần số tiền nợ còn thiếu, xin ngân hàng bỏ lãi mà nguyên đơn không đồng ý là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thừa nhận: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V có tiến hành giảm lãi cho bà B.T hai lần vào tháng 09/2016 và tháng 06/2017 tổng cộng là 4.930.582 đồng nên tổng số tiền mà bà B.T còn thiếu Ngân hàng V là 39.596.418 đồng, trong đó tiền gốc là 24.852.098 đồng và tiền lãi là 14.744.320 đồng. Tại phiên tòa, bà B.T cũng thừa nhận còn thiếu Ngân hàng V số tiền 39.596.418 đồng. Xét thấy việc giảm lãi cho bà B.T

của Ngân hàng V là tự nguyện có lợi cho bị đơn bà B.T nên buộc bà B.T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng V là 39.596.418 đồng, trong đó tiền gốc là 24.852.098 đồng và tiền lãi là 14.744.320 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt chậm trả theo khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 và tiền lãi phát sinh đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là tự nguyện, có lợi cho người vay là bà B.T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà B.T trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013 tổng cộng là 39.596.418 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm mười tám đồng), trong đó tiền gốc là 24.852.098 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai ngàn chín mươi tám đồng) và tiền lãi là 14.744.320 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng)

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/10/2010 là thấp hơn so với lãi suất thỏa thuận (3,75%/tháng x 12 tháng = 45%/năm) nên yêu cầu này của nguyên đơn có lợi cho người vay là phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn bà B.T phải chịu án phí sơ thẩm là: 39.596.418 đồng x 5% = 1.979.821 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm hai mươi mốt đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Bà B.T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130903-500000-0088 ngày 04/9/2013 tổng cộng là 39.596.418 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm mười tám đồng), trong đó tiền gốc là 24.852.098 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai ngàn chín mươi tám đồng) và tiền lãi là 14.744.320 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng V không yêu cầu tiền phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh từ khi vi phạm cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà B.T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 1.979.821 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm hai mươi mốt đồng) bà B.T phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.163.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo Biên lai số 0002314 ngày 23/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thúy Vân